

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NGỌC THIÊN GLOBAL

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

MỤC LỤC

| NỘI DUNG | TRANG |
|--------------------------------------|---------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 2 - 3 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 4 - 5 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | 6 - 7 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 8 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | 9 |
| BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 10 - 37 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty CP Tập đoàn Ngọc Thiên Global (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

| | |
|----------------------|----------|
| Ông Trịnh Phan Thiên | Chủ tịch |
| Bà Đỗ Hồng Hạnh | Ủy viên |
| Bà Nguyễn Thị Ánh | Ủy viên |
| Ông Nguyễn Văn Thành | Ủy viên |

Ban Tổng giám đốc

| | |
|----------------------|-------------------|
| Ông Trịnh Phan Thiên | Tổng giám đốc |
| Bà Đỗ Hồng Hạnh | Phó Tổng giám đốc |

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NGỌC THIÊN GLOBAL



Trịnh Phan Thiên

Tổng Giám đốc

Hưng Yên, ngày 12 tháng 05 năm 2022



Số: 529/BCTC/TC/NV8

Hà Nội, ngày 16 tháng 05 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty CP Tập đoàn Ngọc Thiên Global

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty CP Tập đoàn Ngọc Thiên Global (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 12/05/2022, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi không được tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt và hàng tồn kho của Công ty tại thời điểm 31/12/2021. Thủ tục kiểm toán thay thế do chúng tôi thực hiện cũng không đảm bảo thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp. Theo đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của các khoản mục nêu trên cũng như ảnh hưởng của chúng (nếu có) đến các khoản mục khác có liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Công ty chưa thực hiện đối chiếu đầy đủ số dư các khoản nợ phải thu và phải trả tại thời điểm 31/12/2021. Chúng tôi đã áp dụng các thủ tục kiểm toán để xem xét các số dư này, tuy nhiên các thủ tục do chúng tôi thực hiện chưa giúp chúng tôi có được đầy đủ các bằng chứng cần thiết để đưa ý kiến về tính đúng đắn của các số dư các khoản công nợ này được trình bày trên Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình báo Báo cáo tài chính.



Mai Quang Hiệp

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1320-2018-126-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Trần Thị Chúc

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3278-2020-126-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|---|------------|--------------|--------------------------|--------------------------|
| A TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 2.384.103.849.666 | 523.456.534.757 |
| I Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | 17.385.544.529 | 766.380.238 |
| 1 Tiền | 111 | V.1. | 17.385.544.529 | 766.380.238 |
| 2 Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| II Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | V.3. | 37.000.000.000 | 1.500.000.000 |
| 1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | 37.000.000.000 | 1.500.000.000 |
| III Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 2.240.954.236.006 | 454.092.058.892 |
| 1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.2. | 2.159.016.819.616 | 275.636.083.382 |
| 2 Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4. | 38.960.507.394 | 81.017.147.214 |
| 3 Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.6. | 42.976.908.996 | 97.438.828.296 |
| IV Hàng tồn kho | 140 | V.7. | 81.056.559.662 | 59.061.186.313 |
| 1 Hàng tồn kho | 141 | | 81.056.559.662 | 59.061.186.313 |
| 2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 7.707.509.469 | 8.036.909.314 |
| 1 Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.8. | 318.181.808 | - |
| 2 Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 7.389.327.661 | 8.036.909.314 |
| 3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | - | - |
| B TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 2.901.142.795.383 | 953.774.828.110 |
| I Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 390.109.459.928 | 90.109.459.928 |
| 1 Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | V.5. | 90.109.459.928 | 90.109.459.928 |
| 2 Phải thu dài hạn khác | 216 | V.6. | 300.000.000.000 | - |
| II Tài sản cố định | 220 | | 1.092.727.273 | - |
| 1 Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.9. | 1.092.727.273 | - |
| - Nguyên giá | 222 | | 1.243.313.970 | 150.586.697 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (150.586.697) | (150.586.697) |
| III Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| IV Tài sản dở dang dài hạn | 240 | V.10. | 792.868.182 | 36.282.868.182 |
| 1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | 792.868.182 | 36.282.868.182 |
| V Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | V.3. | 2.509.147.740.000 | 827.382.500.000 |
| 1 Đầu tư vào công ty con | 251 | | 2.489.547.740.000 | 827.382.500.000 |
| 2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 19.600.000.000 | - |
| VI Tài sản dài hạn khác | 260 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200) | 270 | | 5.285.246.645.049 | 1.477.231.362.867 |

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này).

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND | |
|---|------------|--------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
| C NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 4.293.527.024.862 | 482.192.287.418 |
| I Nợ ngắn hạn | 310 | | 3.813.543.776.501 | 482.192.287.418 |
| 1 Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.11. | 1.797.155.839.851 | 406.848.433.110 |
| 2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.12. | 237.851.370.660 | 10.798.357.082 |
| 3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.13. | 134.925.171 | 1.216.415.425 |
| 4 Phải trả người lao động | 314 | | - | - |
| 5 Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.14. | 11.250.000.000 | - |
| 6 Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.16. | 1.767.151.640.819 | 39.256.779.941 |
| 7 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.15. | - | 24.072.301.860 |
| 8 Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | - | - |
| II Nợ dài hạn | 330 | | 479.983.248.361 | - |
| 1 Phải trả dài hạn khác | 337 | V.16. | 179.983.248.361 | - |
| 2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.15. | 300.000.000.000 | - |
| D VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 991.719.620.187 | 995.039.075.449 |
| I Vốn chủ sở hữu | 410 | V.17. | 991.719.620.187 | 995.039.075.449 |
| 1 Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 990.000.000.000 | 990.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 990.000.000.000 | 990.000.000.000 |
| 2 Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3 Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 4 Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | - | - |
| 5 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 1.719.620.187 | 5.039.075.449 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a | | 1.221.797.508 | 157.510.805 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay | 421b | | 497.822.679 | 4.881.564.644 |
| II Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400) | 440 | | 5.285.246.645.049 | 1.477.231.362.867 |

Hưng Yên, ngày 12 tháng 05 năm 2022

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NGỌC THIÊN GLOBAL

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phạm Thị Quyên

Hoàng Thị Mai Hương



Tổng Giám đốc

Trịnh Phan Thiên

Mẫu số B02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Năm 2021 | Năm 2020 |
|--|-------|-------------|-------------------|-----------------|
| 1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1. | 2.003.962.909.460 | 191.254.020.570 |
| 2 Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02) | 10 | | 2.003.962.909.460 | 191.254.020.570 |
| 4 Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2. | 2.001.098.395.616 | 184.128.847.849 |
| 5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11) | 20 | | 2.864.513.844 | 7.125.172.721 |
| 6 Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3. | 39.369.685 | 1.714.774.436 |
| 7 Chi phí tài chính | 22 | VI.4. | 28.686.259 | 452.173.137 |
| Chi phí lãi vay | 23 | | 28.686.259 | 452.173.137 |
| 8 Chi phí bán hàng | 25 | | - | - |
| 9 Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.5. | 2.304.368.294 | 2.283.882.708 |
| 10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)} | 30 | | 570.828.976 | 6.103.891.312 |
| 11 Thu nhập khác | 31 | VI.6. | 51.776.000 | - |
| 12 Chi phí khác | 32 | VI.7. | 261.302 | 1.935.492 |
| 13 Lợi nhuận khác (40=31-32) | 40 | | 51.514.698 | (1.935.492) |
| 14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) | 50 | | 622.343.674 | 6.101.955.820 |
| 15 Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | VI.8. | 124.520.995 | 1.220.391.176 |
| 16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52) | 60 | | 497.822.679 | 4.881.564.644 |
| 18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.9. | - | - |

Hưng Yên, ngày 12 tháng 05 năm 2022

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NGỌC THIÊN GLOBAL

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Q

H



Phạm Thị Quyên

Hoàng Thị Mai Hương

Trịnh Phan Thiên

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này).

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Năm 2021 | Năm 2020 |
|--|-----------|-------------|----------------------------|-------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 622.343.674 | 6.101.955.820 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| - Khấu hao TSCĐ và Bất động sản đầu tư | 02 | | - | 10.166.917 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (36.705.838) | (1.714.774.436) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | 28.686.259 | 452.173.137 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 614.324.095 | 4.849.521.438 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (2.086.214.595.461) | (125.191.130.405) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (21.995.373.349) | (19.668.307.047) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | | 3.258.355.743.531 | 158.159.955.883 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | (318.181.808) | 127.542.644 |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (28.686.259) | (452.173.137) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (33.553.163) | (108.034.474) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 1.150.379.677.586 | 17.717.374.902 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (1.092.727.273) | (36.254.250.000) |
| 2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (37.000.000.000) | (44.710.800.000) |
| 3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 1.500.000.000 | 94.300.646.833 |
| 4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | (1.373.132.190.000) | (62.196.500.000) |
| 5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 36.705.838 | 1.714.774.436 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (1.409.688.211.435) | (47.146.128.731) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ đi vay | 33 | | 301.424.228.000 | 64.350.684.578 |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (25.496.529.860) | (41.380.182.992) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 275.927.698.140 | 22.970.501.586 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40) | 50 | | 16.619.164.291 | (6.458.252.243) |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | | 766.380.238 | 7.224.632.481 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61) | 70 | V.I. | 17.385.544.529 | 766.380.238 |

Hưng Yên, ngày 12 tháng 05 năm 2022

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NGỌC THIÊN GLOBAL

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Phạm Thị Quyên



Hoàng Thị Mai Hương



Tổng Giám đốc

Trịnh Phan Thiên

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Tập đoàn Ngọc Thiên Global được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0900629432 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 29/11/2010. Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 ngày 24/12/2020.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 24/12/2020 thì vốn điều lệ của Công ty là: **990.000.000.000 đồng** (Chín trăm chín mươi tỷ đồng Việt Nam).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Sản xuất kim loại màu và kim loại quý, Chi tiết: Sản xuất và tinh chế kim loại quý, chế tác hoặc không chế tác như vàng, bạc, platinum...từ quặng hoặc kim loại vụn;
- Thu gom rác thải không độc hại; Thu gom rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại; Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại; Tái chế phế liệu;
- Xây dựng nhà ở; Xây dựng công trình công ích khác; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng, Chi tiết: Trang trí nội ngoại thất các công trình;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác, Chi tiết: Lập dự toán, báo cáo kinh tế kỹ thuật các công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình hạ tầng kỹ thuật; Nạo vét sông ngòi, mương;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Bán buôn thực phẩm; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần 11 ngày 24/12/2020/.

Trụ sở chính của Công ty tại: Thôn Đông Mai, Xã Chi Đạo, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. Cấu trúc doanh nghiệp

+ Danh sách các công ty con:

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Tỷ lệ lợi ích |
|---|---------------------------|--|---------------|------------------------|---------------|
| - Công ty TNHH Thương mại kim loại màu Thái nguyên | Định Hóa, Thái Nguyên | Bán buôn kim loại, quặng kim loại | 99% | 99% | 99% |
| - Công ty TNHH Thương mại kim loại màu Lào Cai | P. Duyên Hải, TP. Lào Cai | Bán buôn kim loại, quặng kim loại | 99% | 99% | 99% |
| - Công ty TNHH Ngọc Thiên | Văn Lâm, Hưng Yên | Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác | 90,227% | 90,227% | 90,227% |
| - Công ty CP Thương mại Tuấn Kiệt Hưng Yên | Văn Lâm, Hưng Yên | Đúc sắt, thép; Rèn, dập, ép và cán kim loại | 51,79% | 51,79% | 51,79% |
| - Công ty CP Gia Hưng Hưng Yên | Văn Lâm, Hưng Yên | Khai thác và thu gom than non | 53,85% | 53,85% | 53,85% |
| - Công ty TNHH Thương mại sản xuất Đông Mai | Văn Lâm, Hưng Yên | Khai thác khí đốt tự nhiên; Khai thác quặng sắt | 53,33% | 53,33% | 53,33% |
| - Công ty CP Đầu tư phát triển và Xuất nhập khẩu Việt Nam | Văn Lâm, Hưng Yên | Bán buôn kim loại và quặng kim loại | 52,05% | 52,05% | 52,05% |
| - Công ty TNHH Thương mại và Phế liệu Miền Bắc | Văn Lâm, Hưng Yên | Khai thác khí đốt tự nhiên; Khai thác quặng sắt | 55% | 55% | 55% |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Tỷ lệ lợi ích |
|----------------------------------|-----------------------------|--|---------------|------------------------|---------------|
| - Công ty TNHH Phế liệu Đông Mai | Văn Lâm, Hưng Yên | Khai thác khí đốt tự nhiên; Khai thác quặng sắt | 55% | 55% | 55% |
| - Công ty Cổ phần Phú Thịnh | TP. Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình | Khai thác khí đốt tự nhiên; Khai thác quặng sắt | 96% | 96% | 96% |

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (“VND”), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với các Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản giao dịch.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của các Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản giao dịch:

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của các Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản giao dịch.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của các Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản giao dịch.

2. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, phải thu từ cho vay và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư vào Công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập như sau:

- + Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- + Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại Công ty con. Căn cứ báo cáo tài chính riêng của tổ chức kinh tế nhận

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

vốn góp lập cùng thời điểm lập báo cáo tài chính năm của Công ty, thực hiện xác định mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con được trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Tại thời điểm 31/12/2021, Công ty không xem xét trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- + Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- + Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác. Căn cứ báo cáo tài chính riêng của tổ chức kinh tế nhận vốn góp lập cùng thời điểm lập báo cáo tài chính năm của Công ty, thực hiện xác định mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến dưới 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - PGD Chiến Thắng và Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Vĩnh Tuy.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Tại thời điểm 31/12/2021, Công ty không xem xét trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá bình quân và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Tại ngày 31/12/2021, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định hữu hình được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 – Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT – BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT – BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Loại tài sản cố định**Thời gian khấu hao <năm>**

- | | |
|-----------------------------|---------|
| - Phương tiện vận tải | 06 - 10 |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 05 |

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí mua sắm tài sản cố định, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước là chi phí thẩm định dự án trồng rừng nhiên liệu và du lịch sinh thái tại Xã Tân Minh, Huyện Đà Bắc, Tỉnh Hòa Bình, được phân bổ vào kết quả kinh doanh khi có doanh thu phát sinh tương ứng.

10. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty và công ty con.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả ngắn hạn là khoản tạm nhập hàng hóa đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

12. Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ. Đến thời điểm ngày 31/12/2021, Công ty đã tất toán toàn bộ số dư các khoản vay.

13. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu phát hành

Trái phiếu phát hành của Công ty được ghi nhận dựa trên Hợp đồng đặt mua trái phiếu số ngày 07/04/2021. Đây là loại trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi và không kèm chứng quyền, có tài sản đảm bảo.

Mã trái phiếu: NTGC.H.21.24.001

Ngày phát hành trái phiếu: 08/04/2021

Ngày đáo hạn trái phiếu: 08/04/2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Lãi suất trái phiếu:

+ Trái phiếu được hưởng lãi bắt đầu từ, và bao gồm Ngày phát hành trái phiếu cho đến, nhưng không bao gồm Ngày đáo hạn trái phiếu hoặc ngày đến hạn khác khi thực hiện mua lại Trái phiếu.

Trái phiếu có lãi suất cố định: 11%/năm

Khối lượng trái phiếu đặt mua: 3.000 trái phiếu

Kỳ hạn: 03 năm

Tổng mệnh giá đặt mua: 300.000.000.000 VND

Giá phát hành: 100% mệnh giá

Khối lượng phát hành: 300.000.000.000 VND (theo mệnh giá)

Mục đích phát hành: Đầu tư vào Công ty con là Công ty TNHH Ngọc Thiên để xây dựng nhà xưởng, mở rộng sản xuất.

Kỳ thanh toán lãi: Kỳ trả lãi đầu tiên là 3 tháng/lần, kể từ và bao gồm ngày đầu tiên của Kỳ trả lãi đó, cho đến, nhưng không bao gồm ngày đầu tiên của Kỳ trả lãi tiếp theo

Tài sản đảm bảo: Phần vốn góp của Tổ chức Phát hành tại Công ty con là Công ty TNHH Ngọc Thiên.

14. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của kỳ này.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty là doanh thu từ kinh doanh, thương mại và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập khác

Thu nhập khác là từ việc xử lý khoản công nợ không phải trả, được ghi nhận dựa trên các bảng tổng hợp theo dõi và các chứng từ kế toán có liên quan.

17. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng sản phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong năm.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là chi phí lãi vay và không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

19. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác***Các nghĩa vụ về thuế******Thuế giá trị gia tăng (GTGT)***

Công ty áp dụng các chính sách thuế theo quy định của các luật thuế hiện hành tại Việt Nam tại mỗi thời kỳ với mức thuế suất áp dụng là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Mẫu số B09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

| 1. Tiền | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|--------------------|-----------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 11.331.159.342 | 724.144.788 |
| Tiền gửi ngân hàng | 6.054.385.187 | 42.235.450 |
| Cộng | 17.385.544.529 | 766.380.238 |

2. Phải thu khách hàng

| | 31/12/2021 | | 01/01/2021 | |
|---|--------------------------|----------|------------------------|----------|
| | VND | | VND | |
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| a) Ngắn hạn | | | | |
| Công ty CP Đầu tư Phát triển và Xuất nhập khẩu Việt Nam | - | - | 11.734.030.000 | - |
| Công ty TNHH Thương mại Anh Đức Linh | 384.484.280 | - | 11.567.234.640 | - |
| Công ty TNHH Thương mại sản xuất Đông Mai | 153.321.774.600 | - | 179.649.774.600 | - |
| Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại MTV Đức Hậu | 49.643.736.358 | - | - | - |
| Công ty TNHH Luyện Kim Thăng Long | 23.845.965.190 | - | 23.845.965.190 | - |
| Công ty TNHH Ngọc Thiên | 9.768.809.668 | - | - | - |
| Công ty TNHH Phế liệu Đông | - | - | 7.471.199.890 | - |
| Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại MTV Trung Thành | 245.979.956.751 | - | - | - |
| Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Bình Việt Nam | 172.907.388.500 | - | - | - |
| Công ty CP Thịnh Phát Hưng Yên | 18.803.318.902 | - | - | - |
| Công ty TNHH Thương mại Thuận Toàn | 491.156.676.560 | - | - | - |
| Công ty TNHH Thương mại và Phế liệu Miền Bắc | 307.415.410.386 | - | - | - |
| Công ty TNHH Ấc quy Tùng Bách | 621.897.996.131 | - | 38.563.214.544 | - |
| Công ty TNHH Ấc quy Thuận | 63.784.740.800 | - | - | - |
| Các đối tượng khác | 106.561.490 | - | 2.804.664.518 | - |
| Cộng | 2.159.016.819.616 | - | 275.636.083.382 | - |

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NGỌC THIÊN GLOBAL

Địa chỉ: Thôn Đông Mai, Xã Chi Đạo, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. Các khoản đầu tư tài chính

3.1 Ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | 31/12/2021 | | 01/01/2021 | |
|---|-----------------------|-----------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | | VND | |
| Tiền gửi có kỳ hạn | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng | - | - | 1.500.000.000 | 1.500.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - PGD Chiến Thắng | 32.000.000.000 | 32.000.000.000 | - | - |
| Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Vĩnh Tuy | 5.000.000.000 | 5.000.000.000 | - | - |
| Cộng | 37.000.000.000 | 37.000.000.000 | 1.500.000.000 | 1.500.000.000 |

3.2 Dài hạn

| | 31/12/2021 | | 01/01/2021 | |
|---|--------------------------|----------|--------------------------|------------------------|
| | VND | | VND | |
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý | Dự phòng |
| a) Đầu tư vào công ty con | 2.489.547.740.000 | - | 2.489.547.740.000 | 827.382.500.000 |
| Công ty TNHH Thương mại kim loại màu Thái nguyên | 89.100.000.000 | - | 89.100.000.000 | - |
| Công ty TNHH Thương mại kim loại màu Lào Cai | 59.400.000.000 | - | 59.400.000.000 | - |
| Công ty TNHH Ngọc Thiên | 606.515.000.000 | - | 606.515.000.000 | - |
| Công ty CP Thương mại Tuấn Kiệt Hưng Yên | 145.000.000.000 | - | 145.000.000.000 | - |
| Công ty CP Gia Hưng Hưng Yên | 140.000.000.000 | - | 140.000.000.000 | - |
| Công ty TNHH Thương mại sản xuất Đông Mai | 16.000.000.000 | - | 16.000.000.000 | - |
| Công ty CP Đầu tư phát triển và Xuất nhập khẩu Việt Nam | 105.000.000.000 | - | 105.000.000.000 | - |

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NGỌC THIÊN GLOBAL

Địa chỉ: Thôn Đông Mai, Xã Chi Đạo, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

| | | | | | |
|---|--------------------------|---|--------------------------|------------------------|------------------------|
| Công ty TNHH Thương mại và Phế liệu Miền Bắc | 11.000.000.000 | - | 11.000.000.000 | - | - |
| Công ty TNHH Phế liệu Đông Mai | 11.000.000.000 | - | 11.000.000.000 | - | - |
| Công ty CP Phú Thịnh | 1.306.532.740.000 | - | 1.306.532.740.000 | - | - |
| b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 19.600.000.000 | - | 19.600.000.000 | - | - |
| Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phú Thành Sơn | 19.600.000.000 | - | 19.600.000.000 | - | - |
| Cộng | 2.509.147.740.000 | - | 2.509.147.740.000 | 827.382.500.000 | 827.382.500.000 |

(*) : Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định = giá gốc của khoản đầu tư - dự phòng tổn thất đầu tư tài chính đã trích lập.

Tóm tắt tình hình hoạt động của công ty con trong năm:

| Tên công ty con | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ biểu quyết | Hoạt động kinh doanh chính |
|---|---|---------------|------------------|--|
| 1. Công ty TNHH Thương mại kim loại màu Thái nguyên | Xóm Tân Phương, Xã Tân Dương, Huyện Định Hoá, Tỉnh Thái Nguyên | 99% | 99% | Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4601513324 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 16/04/2018 và thay đổi lần thứ 4 ngày 14/05/2020. Vốn điều lệ: 90 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính: Bán buôn kim loại, quặng kim loại, Thu gom rác thải không độc hại; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét,... |
| 2. Công ty TNHH Thương mại kim loại màu Lào Cai | Số nhà 228, đường Nhạc Sơn, Phường Duyên Hải, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam | 99% | 99% | Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5300731419 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp lần đầu ngày 16/08/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 04/11/2020. Vốn điều lệ: 60 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính: Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Thu gom rác thải độc hại; Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại; Tái chế phế liệu;... |

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NGỌC THIÊN GLOBAL

Địa chỉ: Thôn Đông Mai, Xã Chi Đạo, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Mẫu số B09 - DN

| 3. Công ty TNHH Ngọc Thiên | Thôn Đông Mai, Xã Chi Đạo, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam | 90,227% | 90,227% | Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0900244369 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 18/11/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 07/01/2020. Vốn điều lệ: 672.207.713.000 đồng. Hoạt động kinh doanh chính: Khai thác khí đốt tự nhiên; Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu; ... |
|--|---|---------|---------|--|
| 4. Công ty CP Thương mại Tuấn Kiệt Hưng Yên | Thôn Đông Mai, Xã Chi Đạo, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam | 51,79% | 51,79% | Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0900921589 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 10/07/2015, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 16/03/2017. Vốn điều lệ: 280 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính: Đúc sắt, thép; Rèn, dập, ép và cán kim loại; Luyện bột kim loại; Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;... |
| 5. Công ty CP Gia Hưng Hưng Yên | Thôn Đông Mai, Xã Chi Đạo, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam | 53,85% | 53,85% | Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0901000460 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 28/10/2016, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 14/03/2018. Vốn điều lệ: 260 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính: Khai thác và thu gom than non; Khai thác khí đốt tự nhiên; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;... |
| 6. Công ty TNHH Thương mại sản xuất Đông Mai | Thôn Đông Mai, Xã Chi Đạo, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam | 53,33% | 53,33% | Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0901019422 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 22/09/2017, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 17/01/2018. Vốn điều lệ: 30 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính: Khai thác khí đốt tự nhiên; Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;... |

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NGỌC THIÊN GLOBAL

Địa chỉ: Thôn Đông Mai, Xã Chi Đạo, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Mẫu số B09 - DN

| | | | | |
|--|---|--------|--------|--|
| 7. Công ty CP Đầu tư phát triển và Xuất nhập khẩu Việt Nam | Thôn Đông Mai, Xã Chi Đạo, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam | 52,05% | 52,05% | Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0900870479 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 27/12/2013, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 14/03/2018. Vốn điều lệ: 200 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính: Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Sản xuất sắt, thép, gang; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Đúc sắt thép; ... |
| 8. Công ty TNHH Thương mại và Phế liệu Miền Bắc | Thôn Đại Từ, Xã Đại Đồng, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam | 55% | 55% | Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0901041266 do sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 29/08/2018, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 26/12/2018. Vốn điều lệ: 20 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính: Khai thác khí đốt tự nhiên; Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;... |
| 9. Công ty TNHH Phế liệu Đông Mai | Thôn Đông Mai, Xã Chi Đạo, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam | 55% | 55% | Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0901041259 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 29/08/2018, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 26/12/2018. Vốn điều lệ: 20 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính: Khai thác khí đốt tự nhiên; Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác quặng kim loại quý hiếm;... |
| 10. Công ty Cổ phần Phú Thịnh | Số 137A, tổ 9, đường Lê Thánh Tông, Phường Tân Thịnh, Thành phố Hoà Bình, Tỉnh Hòa Bình | 96% | 96% | Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5400233833, do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp lần đầu ngày 13/04/2005 và thay đổi lần thứ 11 ngày 17/03/2022. Vốn điều lệ: 1.360.971.600.000 đồng. Hoạt động kinh doanh chính: Khai thác khí đốt tự nhiên; Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác quặng kim loại |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***4. Trả trước cho người bán**

| | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Ngắn hạn | | |
| Công ty TNHH Thương mại sản xuất Đông Mai | 18.691.526.160 | - |
| Công ty CP Xây dựng và Thương mại Thái Dương | 1.500.000.000 | 1.500.000.000 |
| Công ty CP Tập đoàn đầu tư & Phát triển Hưng Phát | 9.000.000.000 | - |
| Công ty CP Tài chính đa chiều NTG | 2.529.290.000 | - |
| Công ty CP Chứng khoán HDB | 1.650.000.000 | - |
| Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại K.E.N | 908.600.000 | - |
| Công ty CP Global Win Group | - | 76.953.183.560 |
| Đối tượng khác | 4.681.091.234 | 2.563.963.654 |
| Cộng | 38.960.507.394 | 81.017.147.214 |

5. Phải thu về cho vay

| | 31/12/2021 | | 01/01/2021 | |
|--|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | VND | | VND | |
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| a) Dài hạn | | | | |
| Ông Trịnh Phan Quý | 45.398.659.928 | - | 45.398.659.928 | - |
| Công ty TNHH Thương mại kim loại màu Lào Cai | 44.710.800.000 | - | 44.710.800.000 | - |
| Cộng | 90.109.459.928 | - | 90.109.459.928 | - |

b) Phải thu cho vay là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.*(*): Các khoản cho vay được thực hiện theo Hợp đồng, kế ước nhận nợ. Lãi suất áp dụng khoản vay 0%/năm. Thời hạn cho vay là 05 năm kể từ ngày 01/11/2018.***6. Phải thu khác**

| | 31/12/2021 | | 01/01/2021 | |
|--|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | VND | | VND | |
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| a) Ngắn hạn | 42.976.908.996 | - | 97.438.828.296 | - |
| Phải thu khác | 42.976.908.996 | - | 97.438.828.296 | - |
| Chi phí phát triển dự án - Ông Trịnh Phan Thiên | - | - | 97.349.200.000 | - |
| Phải thu bảo hiểm xã hội | 1.350.000 | - | 89.628.296 | - |
| Lãi trái phiếu thanh toán hộ Công ty TNHH Ngọc Thiên (*) | 14.849.898.448 | - | - | - |
| Lãi trái phiếu ghi nhận bổ sung kỳ 1, 2 và lãi trái phiếu kỳ 3 | 8.594.520.548 | - | - | - |
| Thanh toán hộ tiền cho Công ty ATT công nghiệp | 39.380.000 | - | - | - |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

| | | | | |
|-------------------------------------|------------------------|---|-----------------------|---|
| Công ty CP Phú Thịnh (chờ tăng vốn) | 19.491.760.000 | - | - | - |
| b) Dài hạn | 300.000.000.000 | - | - | - |
| Phải thu khác | 300.000.000.000 | - | - | - |
| Công ty TNHH Ngọc Thiên (**) | 300.000.000.000 | - | - | - |
| Cộng | 342.976.908.996 | - | 97.438.828.296 | - |

*c) Phải thu khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.**(*): Khoản lãi trái phiếu do Công ty phát hành nhằm mục đích đầu tư xây dựng nhà xưởng, mở rộng sản xuất tại Công ty TNHH Ngọc Thiên. Công ty thực hiện thanh toán thay và Công ty TNHH Ngọc Thiên nhận nợ.**(**): Khoản trái phiếu do Công ty phát hành nhằm mục đích đầu tư xây dựng nhà xưởng, mở rộng sản xuất của Công ty TNHH Ngọc Thiên. Công ty phát hành và Công ty TNHH Ngọc Thiên nhận nợ lại.***7. Hàng tồn kho**

| | 31/12/2021 | | 01/01/2021 | |
|-----------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | - | - | 39.127.273 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 2.166.764.554 | - | 1.098.375.868 | - |
| Hàng hóa | 78.889.795.108 | - | 57.923.683.172 | - |
| Cộng | 81.056.559.662 | - | 59.061.186.313 | - |

8. Chi phí trả trước

| | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|---|--------------------|------------|
| | VND | VND |
| <i>Ngắn hạn</i> | | |
| Chi phí thẩm định dự án trồng rừng nhiên liệu và du lịch sinh thái tại Xã Tân Minh, Huyện Đà Bắc, Tỉnh Hòa Bình | 318.181.808 | - |
| Cộng | 318.181.808 | - |

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| Khoản mục | Đơn vị tính: VND | | |
|-----------------------|---------------------|---------------------------|---------------|
| | Phương tiện vận tải | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
| Nguyên giá | | | |
| Số dư ngày 01/01/2021 | - | 150.586.697 | 150.586.697 |
| Mua trong năm | 1.092.727.273 | - | 1.092.727.273 |
| Số dư ngày 31/12/2021 | 1.092.727.273 | 150.586.697 | 1.243.313.970 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***Giá trị hao mòn lũy kế**

| | | | |
|-----------------------|---|-------------|-------------|
| Số dư ngày 01/01/2021 | - | 150.586.697 | 150.586.697 |
| Số dư ngày 31/12/2021 | - | 150.586.697 | 150.586.697 |

Giá trị còn lại

| | | | |
|---------------------|---------------|---|---------------|
| Tại ngày 01/01/2021 | - | - | - |
| Tại ngày 31/12/2021 | 1.092.727.273 | - | 1.092.727.273 |

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã hết khấu hao vẫn còn sử dụng: 150.586.697 đồng;

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: không có.

| 10. Tài sản dở dang dài hạn | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|--|--------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| <i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i> | | |
| Mua sắm tài sản cố định | 792.868.182 | 36.282.868.182 |
| Lò nấu chì 380V công suất 35,5KW | 764.250.000 | 764.250.000 |
| Lò điện tinh luyện | - | 1.823.000.000 |
| Lò trung tần | - | 3.641.000.000 |
| Lò rác nhiệt luyện | - | 2.732.000.000 |
| Lò phản xạ | - | 5.459.000.000 |
| Dàn rung cộng lực | - | 3.641.000.000 |
| Lò nấu quặng đa kim | - | 4.549.000.000 |
| Lò cao tần | - | 6.368.000.000 |
| Lò dầu phân kim | - | 7.277.000.000 |
| Chi phí khác | 28.618.182 | 28.618.182 |
| Cộng | 792.868.182 | 36.282.868.182 |

11. Phải trả người bán

| | 31/12/2021 | | 01/01/2021 | |
|---|-----------------|-----------------------|-----------------|-----------------------|
| | Giá gốc | Số có khả năng trả nợ | Giá gốc | Số có khả năng trả nợ |
| <i>a) Ngắn hạn</i> | | | | |
| Công ty CP Đầu tư phát triển và Xuất nhập khẩu Việt Nam | 26.281.448.347 | 26.281.448.347 | 186.743.358.448 | 186.743.358.448 |
| Công ty TNHH Thương mại và Phế liệu Miền Bắc | 568.899.215.011 | 568.899.215.011 | - | - |
| Công ty CP Gia Hưng Hưng Yên | 101.269.585.400 | 101.269.585.400 | 102.429.585.400 | 102.429.585.400 |
| Công ty TNHH Ngọc Thiên | 51.792.288.219 | 51.792.288.219 | 28.140.148.200 | 28.140.148.200 |
| Công ty CP Global Win Group | 453.299.578.798 | 453.299.578.798 | - | - |
| Công ty TNHH Sản xuất thương mại kim loại Thành Đạt | 281.369.607.158 | 281.369.607.158 | - | - |
| Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Bình Việt Nam | 39.172.512.500 | 39.172.512.500 | - | - |
| Công ty CP Thịnh Phát Hưng Yên | 21.444.313.060 | 21.444.313.060 | 21.444.313.060 | 21.444.313.060 |
| Công ty TNHH Ấc quy Thuận | 172.168.457.593 | 172.168.457.593 | 60.574.033.520 | 60.574.033.520 |

Mẫu số B09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

| | | | | |
|--|--------------------------|--------------------------|------------------------|------------------------|
| Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Đại Kiến Gia | 15.798.200.000 | 15.798.200.000 | - | - |
| Công ty TNHH Thương mại san lấp xây dựng BABY HOME | 15.845.500.000 | 15.845.500.000 | - | - |
| Các đối tượng khác | 49.815.133.765 | 49.815.133.765 | 7.516.994.482 | 7.516.994.482 |
| Cộng | 1.797.155.839.851 | 1.797.155.839.851 | 406.848.433.110 | 406.848.433.110 |

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

| 12. Người mua trả tiền trước | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|---|------------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| <i>a) Ngắn hạn</i> | | |
| Công ty TNHH Sản xuất thương mại kim loại Việt Nam | 8.818.959.750 | 8.817.959.750 |
| Công ty CP Đầu tư Phát triển và Xuất nhập khẩu Việt Nam | 48.812.383.500 | - |
| Công ty CP Gia Hưng Hưng Yên | 99.717.547.500 | - |
| Công ty TNHH Ngọc Thiên | - | 1.980.397.332 |
| Công ty TNHH Phế liệu Đông Mai | 32.543.050.010 | - |
| Công ty CP Tuấn Kiệt Hưng Yên | 47.937.604.100 | - |
| Công ty TNHH Sản xuất thương mại kim loại Thành Đạt | 21.825.800 | - |
| Cộng | 237.851.370.660 | 10.798.357.082 |

*b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.***13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

| Khoản mục | 01/01/2021 | Số phải nộp trong năm | Số đã thực nộp trong năm | Đơn vị tính: VND |
|--|----------------------|-----------------------|--------------------------|--------------------|
| | | | | 31/12/2021 |
| <i>Phải nộp</i> | | | | |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.216.415.425 | 124.520.995 | 1.206.011.249 | 134.925.171 |
| Thuế thu nhập cá nhân | - | 144.039.043 | 144.039.043 | - |
| Thuế môn bài | - | 3.500.000 | 3.500.000 | - |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | 261.302 | 261.302 | - |
| Cộng | 1.216.415.425 | 272.321.340 | 1.353.811.594 | 134.925.171 |

14. Chi phí phải trả

| | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|-------------------|-----------------------|------------|
| | VND | VND |
| <i>Ngắn hạn</i> | | |
| Tạm nhập hàng hóa | 11.250.000.000 | - |
| Cộng | 11.250.000.000 | - |

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NGỌC THIÊN GLOBAL

Địa chỉ: Thôn Đông Mai, Xã Chi Đạo, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. Vay và nợ thuê tài chính**15.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

| | 31/12/2021 | | Trong năm | | 01/01/2021 |
|--|------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | |
| Vay ngắn hạn | | | | | VND |
| Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Hưng Yên | - | - | 1.424.228.000 | 25.496.529.860 | 24.072.301.860 |
| Cộng | - | - | 1.424.228.000 | 25.496.529.860 | 24.072.301.860 |

15.2 Trái phiếu phát hành

| | 31/12/2021 | | Kỳ hạn | Giá trị | 01/01/2021 |
|---|------------------------|---------------------------|--|---------|------------|
| | Giá trị | Lãi suất | | | |
| Công ty CP Đầu tư phát triển và Xuất nhập khẩu Việt Nam (*) | 300.000.000.000 | Lãi suất cố định, 11%/năm | Từ ngày 08/04/2021 đến ngày 08/04/2024 | - | - |
| Cộng | 300.000.000.000 | | | | |

(*): Hợp đồng đặt mua trái phiếu số ngày 07/04/2021 với giá trị là 300 tỷ đồng. Đây là loại trái phiếu doanh nghiệp không chuyên đổi và không kèm chứng quyền, có tài sản đảm bảo.

Ngày phát hành trái phiếu:

08/04/2021

Ngày đáo hạn trái phiếu:

08/04/2024

Lãi suất trái phiếu: Trái phiếu được trả lãi sau, vào ngày thanh toán lãi, với lãi suất cố định 11%/năm.

Mục đích: Xây dựng nhà xưởng và mở rộng sản xuất cho Công ty TNHH Ngọc Thiên.

Mẫu số B09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***16. Phải trả khác**

| | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|---|--------------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| a) Ngắn hạn | 1.767.151.640.819 | 39.256.779.941 |
| Các khoản phải trả khác | 1.767.151.640.819 | 39.256.779.941 |
| Cổ đông đóng góp chờ tăng vốn | 1.737.539.193.555 | 18.100.000.000 |
| Ông Đỗ Quang Thành | 2.950.000.000 | 2.950.000.000 |
| Lãi trái phiếu hạch toán bổ sung kỳ 1 và 2 | 1.000.000.000 | - |
| Lãi trái phiếu kỳ 3 phải trả Công ty CP Đầu tư phát triển và XNK Việt Nam | 7.594.520.548 | - |
| Thu hộ America Metal Co., Ltd | 17.184.350.000 | 17.184.350.000 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 883.576.716 | 1.022.429.941 |
| b) Dài hạn | 179.983.248.361 | - |
| Các khoản phải trả khác | 179.983.248.361 | - |
| Công ty TNHH Ngọc Thiên (*) | 179.983.248.361 | - |
| Cộng | 1.947.134.889.180 | 39.256.779.941 |

(*): Khoản trái phiếu do Công ty phát hành với mục đích để xây dựng nhà xưởng và mở rộng sản xuất cho Công ty TNHH Ngọc Thiên nhưng chưa chuyển tiền xuống cho Công ty này.

17. Vốn chủ sở hữu**17.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn góp chủ sở hữu**

| Chỉ tiêu | Đơn vị tính: VND | | |
|---------------------------|------------------------|-----------------------------------|-----------------|
| | Vốn góp của chủ sở hữu | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
| Số dư tại ngày 01/01/2020 | 990.000.000.000 | 157.510.805 | 990.157.510.805 |
| Lãi trong năm trước | - | 4.881.564.644 | 4.881.564.644 |
| Số dư tại ngày 01/01/2021 | 990.000.000.000 | 5.039.075.449 | 995.039.075.449 |
| Lãi trong năm nay | - | 497.822.679 | 497.822.679 |
| Giảm khác | - | (3.817.277.941) | (3.817.277.941) |
| Số dư tại ngày 31/12/2021 | 990.000.000.000 | 1.719.620.187 | 991.719.620.187 |

17.2 Chi tiết góp vốn của chủ sở hữu

| | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|--------------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Ông Trịnh Phan Thiên | 988.000.000.000 | 988.000.000.000 |
| Vốn góp của các đối tượng khác | 2.000.000.000 | 2.000.000.000 |
| Cộng | 990.000.000.000 | 990.000.000.000 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***17.3 Các khoản giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

| | Năm 2021 | Năm 2020 |
|----------------------------------|-----------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Vốn góp của chủ sở hữu | | |
| Vốn góp đầu năm | 990.000.000.000 | 990.000.000.000 |
| Vốn góp tăng trong năm | - | - |
| Vốn góp giảm trong năm | - | - |
| Vốn góp cuối năm | 990.000.000.000 | 990.000.000.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận đã chia | - | - |

17.4 Cổ phiếu

| | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|---|------------|------------|
| | Cổ phiếu | Cổ phiếu |
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 99.000.000 | 99.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 99.000.000 | 99.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 99.000.000 | 99.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ) | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 99.000.000 | 99.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 99.000.000 | 99.000.000 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

17.5 Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán:

- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: chưa
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không có

Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không có

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

| | Năm 2021 | Năm 2020 |
|------------------------|--------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| a) Doanh thu | | |
| Doanh thu bán hàng hóa | 2.003.962.909.460 | 191.254.020.570 |
| Cộng | <u>2.003.962.909.460</u> | <u>191.254.020.570</u> |

*b) Doanh thu đối với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.***2. Giá vốn hàng bán**

| | Năm 2021 | Năm 2020 |
|----------------------|--------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Giá vốn bán hàng hóa | 2.001.098.395.616 | 184.128.847.849 |
| Cộng | <u>2.001.098.395.616</u> | <u>184.128.847.849</u> |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

| 3. Doanh thu hoạt động tài chính | Năm 2021 | Năm 2020 |
|---|--------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 36.705.838 | 1.714.774.436 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm | 2.663.847 | - |
| Cộng | 39.369.685 | 1.714.774.436 |
| 4. Chi phí tài chính | Năm 2021 | Năm 2020 |
| | VND | VND |
| Chi phí lãi vay | 28.686.259 | 452.173.137 |
| Cộng | 28.686.259 | 452.173.137 |
| 5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp | Năm 2021 | Năm 2020 |
| | VND | VND |
| <i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</i> | | |
| Chi phí nhân viên quản lý | 1.124.933.597 | 996.225.533 |
| Chi phí vật liệu quản lý | - | 127.542.654 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | | 10.166.917 |
| Thuế, phí và lệ phí | 3.500.000 | 3.000.000 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 859.976.003 | 558.284.893 |
| Chi phí bằng tiền khác | 315.958.694 | 588.662.711 |
| Cộng | 2.304.368.294 | 2.283.882.708 |
| 6. Thu nhập khác | Năm 2021 | Năm 2020 |
| | VND | VND |
| Xử lý công nợ không phải trả | 51.776.000 | - |
| Cộng | 51.776.000 | - |
| 7. Chi phí khác | Năm 2021 | Năm 2020 |
| | VND | VND |
| Các khoản phạt thuế và chậm nộp thuế | 261.302 | 1.935.492 |
| Cộng | 261.302 | 1.935.492 |
| 8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | Năm 2021 | Năm 2020 |
| | VND | VND |
| Tổng thu nhập phát sinh trong kỳ | 2.004.054.055.145 | 192.968.795.006 |
| <i>Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</i> | <i>2.004.054.055.145</i> | <i>192.968.795.006</i> |
| Tổng chi phí phát sinh, trong đó: | 2.003.431.711.471 | 186.866.839.186 |
| <i>Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp</i> | <i>2.003.431.450.169</i> | <i>186.866.839.186</i> |
| <i>Chi phí không được trừ khi thuế thu nhập doanh nghiệp</i> | <i>261.302</i> | <i>-</i> |
| Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp | 622.604.976 | 6.101.955.820 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 20% | 20% |

Mẫu số B09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

| | | |
|--|-------------|---------------|
| Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành | 124.520.995 | 1.220.391.164 |
| Điều chỉnh chênh lệch khi tính thuế | - | 12 |
| Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | 124.520.995 | 1.220.391.176 |

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu không trình bày trên báo cáo tài chính này mà được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

| | Năm 2021 | Năm 2020 |
|----------------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nhân công | 1.124.933.597 | 996.225.533 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | - | 10.166.917 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 859.976.003 | 685.827.547 |
| Chi phí khác | 319.458.694 | 591.662.711 |
| Cộng | 2.304.368.294 | 2.283.882.708 |

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

| | Năm 2021 | Năm 2020 |
|--|-----------------|----------------|
| | VND | VND |
| Số tiền đi vay thực thu trong năm: | | |
| - Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường | 301.424.228.000 | 64.350.684.578 |
| Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm: | | |
| - Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường | 25.496.529.860 | 41.380.182.992 |
| Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ: | | |
| - Chuyển nợ phải thu thành vốn góp tại các Công ty con | 308.633.050.000 | - |

VIII. Những thông tin khác**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ban Tổng giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, ngoài sự kiện nêu trên, xét trên các khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**Danh sách các bên liên quan:****Bên liên quan**

Công ty TNHH Thương mại kim loại màu Thái nguyên
 Công ty TNHH Thương mại kim loại màu Lào Cai
 Công ty TNHH Ngọc Thiên
 Công ty CP Thương mại Tuấn Kiệt Hưng Yên
 Công ty CP Gia Hưng Hưng Yên

Mối quan hệ

Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

| | |
|---|-------------------------------------|
| Công ty CP Phú Thịnh | Công ty con |
| Công ty TNHH Thương mại sản xuất Đông Mai | Công ty con |
| Công ty CP Đầu tư phát triển và Xuất nhập khẩu Việt Nam | Công ty con |
| Công ty TNHH Thương mại và Phế liệu Miền Bắc | Công ty con |
| Công ty TNHH Phế liệu Đông Mai | Công ty con |
| Ông Trịnh Phan Thiên | Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty |

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

| | Năm 2021 VND | Năm 2020 VND |
|---|---------------------------|---------------------------|
| 2.1 Mua hàng | 696.409.100.155 | 68.198.138.000 |
| Công ty CP Đầu tư Phát triển và Xuất nhập khẩu Việt Nam | 36.340.936.600 | - |
| Công ty TNHH Thương mại kim loại màu Lào Cai | - | 2.507.240.000 |
| Công ty TNHH Thương mại sản xuất Đông Mai | 59.416.794.400 | - |
| Công ty TNHH Thương mại và Phế liệu Miền Bắc | 517.181.104.555 | - |
| Công ty TNHH Ngọc Thiên | 82.130.264.600 | 58.277.632.000 |
| Công ty CP Gia Hưng Hưng Yên | - | 7.413.266.000 |
| Công ty TNHH Phế liệu Đông Mai | 1.340.000.000 | - |
| 2.2 Bán hàng | 418.213.013.896 | - |
| Công ty TNHH Phế liệu Đông Mai | 11.040.500.000 | - |
| Công ty CP Gia Hưng Hưng Yên | 10.543.775.000 | - |
| Công ty CP Thương mại Tuấn Kiệt Hưng Yên | 5.799.769.000 | - |
| Công ty CP Đầu tư phát triển và Xuất nhập khẩu Việt Nam | 85.182.045.000 | - |
| Công ty TNHH Thương mại và Phế liệu Miền Bắc | 289.468.554.896 | - |
| Công ty TNHH Ngọc Thiên | 16.178.370.000 | - |
| 2.3 Số dư với các bên liên quan | 31/12/2021 VND | 01/01/2021 VND |
| Các khoản phải thu | 848.758.219.262 | 142.060.000.000 |
| Phải thu khách hàng | 470.505.994.654 | - |
| Công ty TNHH Thương mại sản xuất Đông Mai | 153.321.774.600 | - |
| Công ty TNHH Thương mại và Phế liệu Miền Bắc | 307.415.410.386 | - |
| Công ty TNHH Ngọc Thiên | 9.768.809.668 | - |
| Trả trước cho người bán | 18.691.526.160 | - |
| Công ty TNHH Thương mại sản xuất Đông Mai | 18.691.526.160 | - |
| Phải thu về cho vay | 44.710.800.000 | 44.710.800.000 |
| Công ty TNHH Thương mại kim loại màu Lào Cai | 44.710.800.000 | 44.710.800.000 |
| Phải thu khác | 314.849.898.448 | 97.349.200.000 |
| Ông Trịnh Phan Thiên | - | 97.349.200.000 |

Mẫu số B09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

| | | |
|---|--------------------------|------------------------|
| Lãi trái phiếu thanh toán hộ Công ty TNHH Ngọc Thiên | 14.849.898.448 | - |
| Công ty TNHH Ngọc Thiên | 300.000.000.000 | - |
| Các khoản phải trả | 1.466.947.854.996 | 135.308.094.932 |
| Phải trả nhà cung cấp | 750.359.500.977 | 133.327.697.600 |
| Công ty CP Đầu tư phát triển và Xuất nhập khẩu Việt Nam | 26.281.448.347 | - |
| Công ty CP Gia Hưng Hưng Yên | 101.269.585.400 | 102.429.585.400 |
| Công ty TNHH Ngọc Thiên | 51.792.288.219 | 28.140.148.200 |
| Công ty TNHH Thương mại kim loại màu Lào Cai | 647.964.000 | 2.757.964.000 |
| Công ty TNHH Thương mại và phế liệu Miền Bắc | 568.899.215.011 | - |
| Công ty TNHH Phế liệu Đông Mai | 1.469.000.000 | - |
| Người mua trả tiền trước | 229.010.585.110 | 1.980.397.332 |
| Công ty TNHH Ngọc Thiên | - | 1.980.397.332 |
| Công ty CP Đầu tư phát triển và Xuất nhập khẩu Việt Nam | 48.812.383.500 | - |
| Công ty CP Gia Hưng Hưng Yên | 99.717.547.500 | - |
| Công ty TNHH Phế liệu Đông Mai | 32.543.050.010 | - |
| Công ty CP Thương mại Tuấn Kiệt Hưng Yên | 47.937.604.100 | - |
| Phải trả khác | 187.577.768.909 | - |
| Công ty TNHH Ngọc Thiên | 179.983.248.361 | - |
| Công ty CP Đầu tư phát triển và Xuất nhập khẩu Việt Nam | 7.594.520.548 | - |
| Trái phiếu phát hành | 300.000.000.000 | - |
| Công ty CP Đầu tư phát triển và Xuất nhập khẩu Việt Nam | 300.000.000.000 | - |

3. Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu (các cổ đông) thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Công nợ tài chính

| | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|---|-----------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Các khoản vay | 300.000.000.000 | 24.072.301.860 |
| Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền | 17.385.544.529 | 766.380.238 |
| Nợ thuần | 282.614.455.471 | 23.305.921.622 |
| Vốn chủ sở hữu | 991.719.620.187 | 995.039.075.449 |
| Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu | 28,50% | 2% |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV - Các chính sách kế toán áp dụng của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Các loại công cụ tài chính

| | Giá trị ghi sổ | |
|--------------------------------------|--------------------------|------------------------|
| | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
| | VND | VND |
| Tài sản tài chính | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 17.385.544.529 | 766.380.238 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 2.501.993.728.612 | 373.074.911.678 |
| Các khoản cho vay | 90.109.459.928 | 90.109.459.928 |
| Các khoản đầu tư tài chính | 37.000.000.000 | 1.500.000.000 |
| Cộng | 2.646.488.733.069 | 465.450.751.844 |
| Công nợ tài chính | | |
| Các khoản vay | 300.000.000.000 | 24.072.301.860 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 3.744.290.729.031 | 446.105.213.051 |
| Chi phí phải trả | 11.250.000.000 | - |
| Cộng | 4.055.540.729.031 | 470.177.514.911 |

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***Quản lý rủi ro về giá**

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

| 31/12/2021 | Dưới 1 năm VND | Từ 1- 5 năm VND | Cộng VND |
|---------------------------|-------------------|--------------------|----------------|
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 37.000.000.000 | - | 37.000.000.000 |
| 01/01/2021 | Dưới 1 năm VND | Từ 1- 5 năm VND | Cộng VND |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 1.500.000.000 | - | 1.500.000.000 |

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

| 31/12/2021 | Dưới 1 năm VND | Từ 1- 5 năm VND | Cộng VND |
|------------------------------------|-------------------|--------------------|-------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 17.385.544.529 | 179.983.248.361 | 197.368.792.890 |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 2.201.993.728.612 | 300.000.000.000 | 2.501.993.728.612 |
| Các khoản cho vay | - | 90.109.459.928 | 90.109.459.928 |
| 01/01/2021 | Dưới 1 năm VND | Từ 1- 5 năm VND | Cộng VND |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 766.380.238 | 179.983.248.361 | 180.749.628.599 |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 373.074.911.678 | - | 373.074.911.678 |
| Các khoản cho vay | - | 90.109.459.928 | 90.109.459.928 |

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

| 31/12/2021 | Dưới 1 năm VND | Từ 1- 5 năm VND | Cộng VND |
|-------------------------------------|-------------------|--------------------|-------------------|
| Phải trả người bán và phải trả khác | 3.564.307.480.670 | 179.983.248.361 | 3.744.290.729.031 |
| Chi phí phải trả | 11.250.000.000 | - | 11.250.000.000 |
| Các khoản vay | - | 300.000.000.000 | 300.000.000.000 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

| 01/01/2021 | Dưới 1 năm VND | Từ 1- 5 năm VND | Cộng VND |
|-------------------------------------|-------------------|--------------------|-----------------|
| Phải trả người bán và phải trả khác | 446.105.213.051 | - | 446.105.213.051 |
| Chi phí phải trả | - | - | - |
| Các khoản vay | 24.072.301.860 | - | 24.072.301.860 |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

4. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 do Công ty lập và đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

Hưng Yên, ngày 12 tháng 05 năm 2022

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NGỌC THIÊN GLOBAL

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Phạm Thị Quyên

Hoàng Thị Mai Hương

Trịnh Phan Thiên

